

Số: 233 /2023/QĐST-HNGĐ

S, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Bà **Võ Thị Cẩm N**– sinh ngày: 15/9/1993; HKTT và chỗ ở hiện nay: 16 đường M, tổ 45 phường T, quận S, TP Đà Nẵng.

- Ông **Huỳnh Văn N**– sinh ngày: 11/4/1992; HKTT: tổ 100, phường T, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 240 quyển số 02 ngày 18/11/2014. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N xác định: Sau khi kết hôn hai bên về sống tại tổ 100 phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Năm 2023, cả hai phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã xích mích, tình cảm ngày càng rạn nứt. Hai bên sống ly thân nhau từ tháng 9/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà N, ông N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà N, ông N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N xác định có 01 con chung Huỳnh Nhật N – sinh ngày: 27/5/2015. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con cho ông Huỳnh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị Cẩm N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu tháng 11/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: bà N, ông N xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: bà N, ông N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002013 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 240 ngày 18/11/2014 do UBND phường T, quận S, Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý*).

- Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N xác định có 01 con chung Huỳnh Nhật N – sinh ngày: 27/5/2015. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con cho ông Huỳnh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị Cẩm N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu tháng 11/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: bà N, ông N xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Các vấn đề khác: bà N, ông N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Võ Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn N mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002013 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường T, quận S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh